

# BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

31.12.2023

## 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

- a) **Tên của Quỹ/ loại hình Quỹ:** QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG VCBF (VCBF-MGF)/ QUỸ MỞ
- b) **Mục tiêu đầu tư của Quỹ:** Tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung và dài hạn.
- c) **Thời hạn hoạt động của Quỹ:** Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.
- d) **Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio):** Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ là thay đổi của chỉ số chứng khoán bao gồm 70 cổ phiếu có vốn hóa dạng vừa, sắp đặt theo trình tự thanh khoản và vốn hóa niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định ("VNMIIDCAP").
- e) **Chính sách phân chia lợi nhuận:** Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.
- f) **Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:** 30.454.039,45 chứng chỉ quỹ.
- g) **Nội dung thay đổi trong Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:** Nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ đã được phản ánh trong Điều lệ Quỹ mới, được Đại hội Nhà đầu tư thường niên thông qua và được báo cáo UBCKNN.
- h) **Nội dung Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:** Nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ đã được phản ánh trong Điều lệ Quỹ mới, được Đại hội Nhà đầu tư thường niên thông qua và được báo cáo UBCKNN.
- i) **Ý kiến nhận xét của Ngân hàng Giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:** Xin xem chi tiết tại mục 4 - Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát.

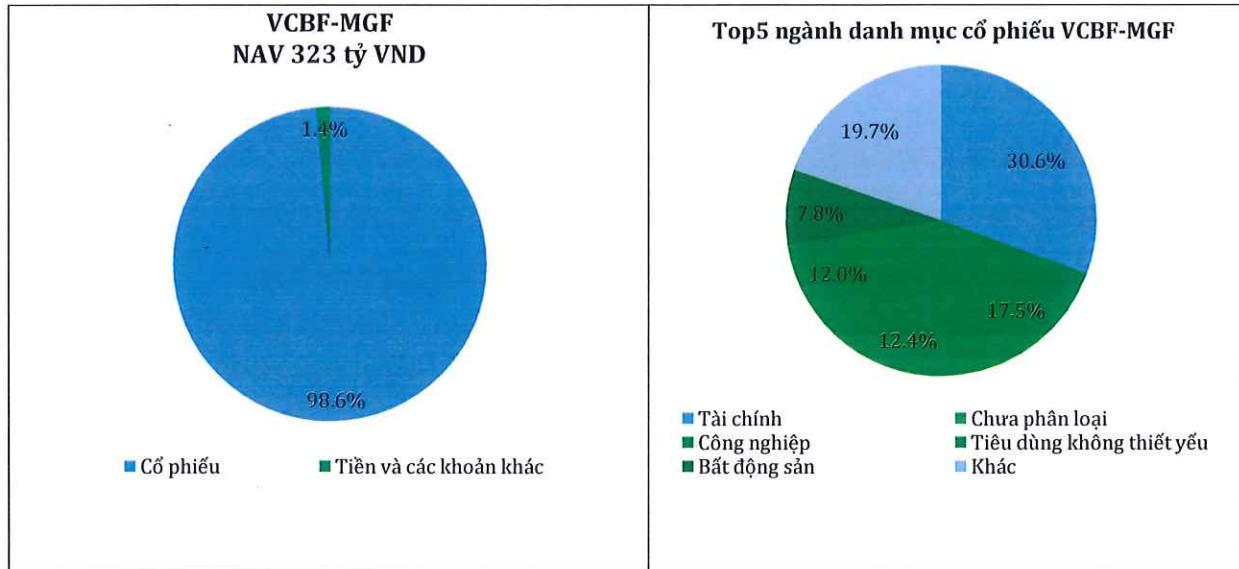


Báo Cáo Tổng Kết Hoạt Động Quản Lý Quỹ

**2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ**

**(i) Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2023**



**(ii) Chi tiết chỉ tiêu hoạt động của Quỹ**

| Chỉ tiêu  | Tại ngày 31/12/2023 | Tại ngày 31/12/2022 | Tại ngày 31/12/2021 |
|---|---------------------|---------------------|---------------------|
| Giá trị tài sản ròng của Quỹ                                | 322.992.936.587     | 255.876.261.450     | 167.466.386.797     |
| Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành                        | 30.454.039,45       | 31.834.509,36       | 16.631.032,20       |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ                    | 10.605,91           | 8.037,70            | 10.069,51           |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ  | 10.946,13           | 10.754,48           | 10.069,51           |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ | 8.034,19            | 6.778,32            | 9.984,59            |
| Tổng lợi nhuận của Quỹ                                      | 79.780.152.567      | (62.600.108.592)    | 1.169.418.925       |
| <i>Lãi/(Lỗ) đã thực hiện</i>                                | 3.961.746.355       | 484.259.208         | (41.586.075)        |
| <i>Lãi/(Lỗ) chưa thực hiện</i>                              | 75.818.406.212      | (63.084.367.800)    | 1.211.005.000       |
| Lợi nhuận đã phân phối trên 1 đơn vị quỹ                    | -                   | -                   | -                   |
| Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)                                 | 2,26                | 2,44                | 2,80                |
| Tốc độ vòng quay danh mục (%)                               | 5,46                | 59,93               | 167,19              |

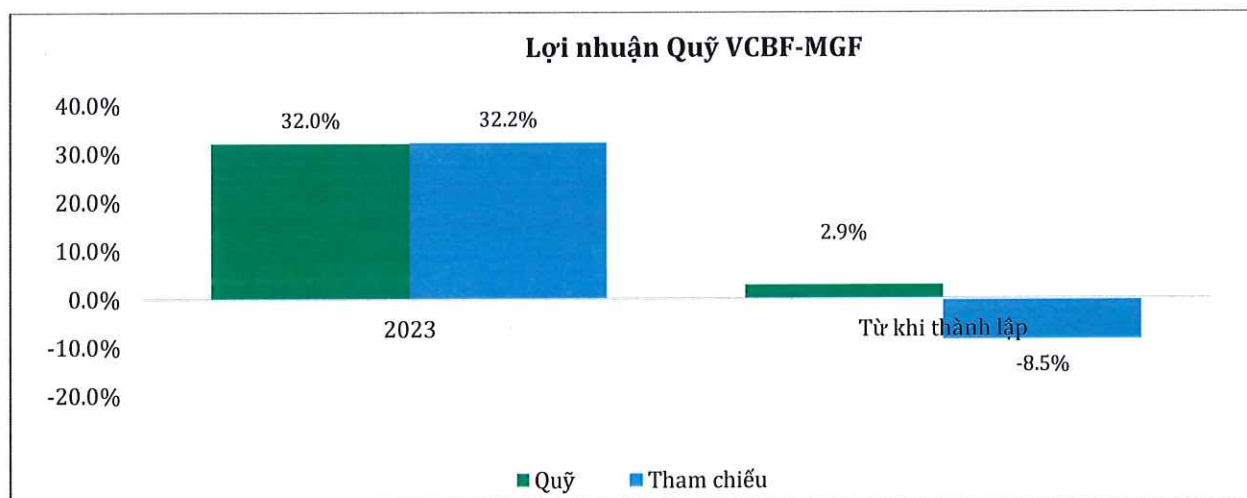
Báo Cáo Tổng Kết Hoạt Động Quản Lý Quỹ

(iii) **Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ**

| Giai đoạn                            | Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%) | Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%) |
|--------------------------------------|--|----------------------------------|
| 1 năm (từ 01/01/2023 đến 31/12/2023) | 32,0   | 32,2                             |
| Từ khi thành lập                     | 6,1  | -16,9                            |
| Từ khi thành lập (bình quân năm)     | 2,9  | -8,5                             |

**Lưu ý:**

- Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt.
- Dữ liệu về giá chứng khoán được lấy từ nguồn Bloomberg hoặc Reuter.
- Các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không hàm ý đảm bảo cho khả năng sinh lời trong tương lai.



**3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

- Thay đổi Công ty Quản lý Quỹ:** Trong kỳ, Quỹ không thay đổi Công ty Quản lý Quỹ
- Đánh giá hoàn thành mục tiêu đầu tư của Quỹ:** Tính từ khi thành lập đến thời điểm 31/12/2023, Quỹ ghi nhận mức lợi nhuận bình quân năm là 2,9%, cao hơn 11,4% so với lợi nhuận tham chiếu. Do đó chúng tôi cho rằng Quỹ đã đạt được mục tiêu đầu tư.
- Tăng trưởng của Quỹ qua các thời kỳ:**

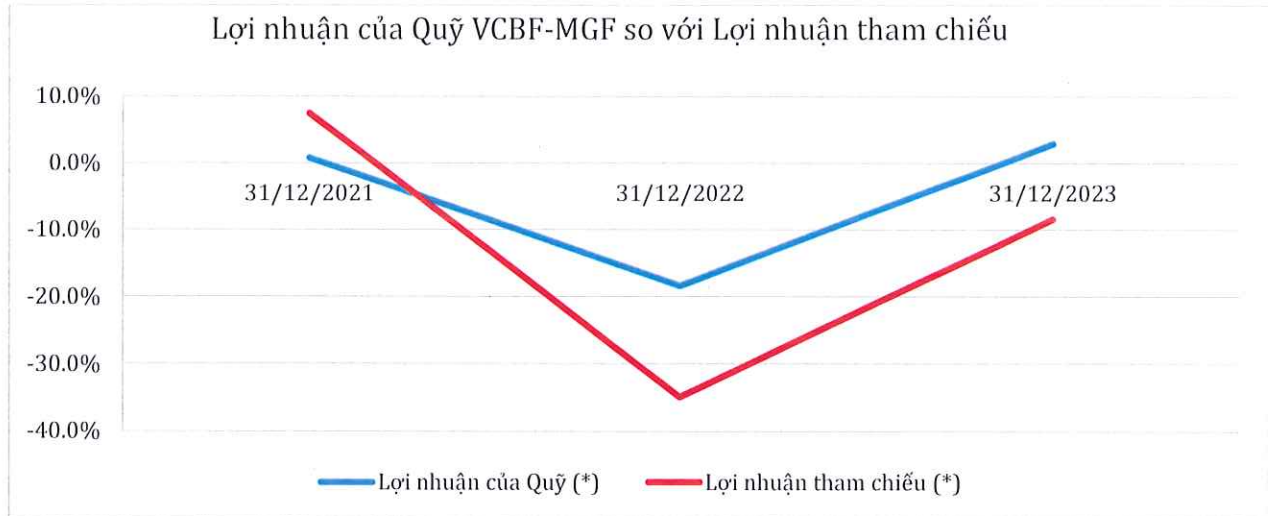
| Ngày     | Lợi nhuận (*) của Quỹ (%) | Lợi nhuận (*) tham chiếu (%) |
|----------|---------------------------|------------------------------|
| 31/12/21 | 0,7                       | 7,3                          |
| 31/12/22 | -18,3                     | -34,9                        |
| 31/12/23 | 2,9                       | -8,5                         |

- C  
 CÔNG T  
 TNHH  
 QUẢN L  
 Y ĐẦU  
 NG KHC  
 COMBA  
 TIÊM - T



Báo Cáo Tổng Kết Hoạt Động Quản Lý Quỹ

(\*) Lợi nhuận của Quỹ và lợi nhuận tham chiếu là lợi nhuận bình quân năm được tính theo phương pháp lợi nhuận kép từ thời điểm thành lập Quỹ.



**d) Chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ và sẽ đầu tư vào một danh mục đa dạng các cổ phiếu thỏa mãn các điều kiện về Phân bổ tài sản nhằm giảm thiểu rủi ro cho Quỹ. Các cổ phiếu có vốn hóa vừa thường có đặc thù là thanh khoản thấp. Quỹ sẽ cân nhắc kỹ lưỡng rủi ro này trong lựa chọn cổ phiếu và mức chiết khấu cần thiết với các cổ phiếu có thanh khoản thấp. Công ty có vốn hóa vừa được định nghĩa là công ty có vốn hóa nằm trong phạm vi vốn hóa của các cổ phiếu trong rổ chỉ số VNMIDCAP.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, VCBF đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, VCBF sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quá trình lựa chọn cổ phiếu dựa trên phân tích cơ bản và định giá từng công ty cụ thể và vì vậy có thể khác xa tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

**e) Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ**

| Cơ cấu danh mục đầu tư | Tại ngày 31/12/2023 (%) | Tại ngày 31/12/2022 (%) | Tại ngày 31/12/2021 (%) |
|------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Cổ phiếu               | 98,2                    | 97,6                    | 26,3                    |
| Tiền và Tài sản khác   | 1,8                     | 2,4                     | 73,7                    |

Báo Cáo Tổng Kết Hoạt Động Quản Lý Quỹ

**f) Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ:**

| Chỉ tiêu                                     | Tại ngày<br>31/12/2023<br>(VNĐ) | Tại ngày<br>31/12/2022<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>thay đổi<br>(%) |
|--|---------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ           | 322.992.936.587                 | 255.876.261.450                 | 26,2                     |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ | 10.605,91                       | 8.037,70                        | 32,0                     |

**g) Biến động của thị trường trong kỳ báo cáo**

Chỉ số VNMIDCAP (VN70), chỉ số tham chiếu của Quỹ, tăng từ 1.308,53 tại ngày 31/12/2022 lên 1.729,44 tại ngày 31/12/2023, tăng 32,2%.

**h) Chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ:** Quỹ không thực hiện chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ.

**i) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ:** Quỹ không phát sinh.

**j) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:** Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ: 17,51%.

**4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Ngân hàng Giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF (“VCBF-MGF” hoặc “Quỹ”) đối với các nội dung sau:

**a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng Giám sát (nếu có):** từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

**b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ:** từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành.

**c) Việc tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch:**

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng đồng vay và cho vay.

**d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch:** việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật có liên quan.

**e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch:** việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 8.402.468,83 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng





Báo Cáo Tổng Kết Hoạt Động Quản Lý Quỹ

- Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 9.782.938,74 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 97.829.387.400 đồng.

f) **Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ:** từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. **BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN**

a) **Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền**

| Quỹ      | Dịch vụ quản trị quỹ (SCBVN) |                      |                     |                                   | Dịch vụ đại lý chuyển nhượng (VSD) |                      |                     |                                   |
|----------|------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------------|------------------------------------|----------------------|---------------------|-----------------------------------|
|          | Tổng chi phí                 | Tỷ lệ trên lợi nhuận | Tỷ lệ trên thu nhập | Tỷ lệ trên tổng chi phí hoạt động | Tổng chi phí                       | Tỷ lệ trên lợi nhuận | Tỷ lệ trên thu nhập | Tỷ lệ trên tổng chi phí hoạt động |
|          | (Tr.VND)                     | (%)                  | (%)                 | (%)                               | (Tr.VND)                           | (%)                  | (%)                 | (%)                               |
| VCBF-MGF | 427,3                        | 0,5                  | 0,5                 | 6,4                               | 132,0                              | 0,2                  | 0,2                 | 2,0                               |

b) **Tổng chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản lý Quỹ)**

| Bên nhận ủy quyền                                | Dịch vụ ủy quyền                       | Tổng chi phí (VNĐ) |
|--|--|--------------------|
| Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) | Dịch vụ quản trị quỹ                   | 427.289.723        |
|  | Dịch vụ giám sát                       | 211.200.000        |
|  | Dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản      | 132.000.000        |
|  | Dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán | 6.160.000          |

c) **Đánh giá dịch vụ ủy quyền**

VCBF đã thực hiện việc đánh giá đối với các dịch vụ ủy quyền cho năm 2023. Các đơn vị cung cấp dịch vụ ủy quyền cho VCBF đều duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, và hệ thống dự phòng đảm bảo thực hiện tốt dịch vụ ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền đã ký kết, cũng như đảm bảo tính bảo mật cho các thông tin của Quỹ trong quá trình thực hiện dịch vụ ủy quyền.

Các hoạt động ủy quyền không gây bất kỳ ảnh hưởng nào đến lợi nhuận và mức độ rủi ro của Quỹ.